



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2022

LỊCH THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2022 - 2023
Bậc đào tạo: TRUNG CẤP - KHÓA 2020 (T4)

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
1	20T4-QLH1; 20T4-QDL1	0714002760		50	Toán 5	3	27/12/2022	90	07H30	Tự luận	F2.1 - 02
2	20T4-	0714001617	1	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 01
3	20T4-	0714001617	2	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 02
4	20T4-	0714001617	3	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 03
5	20T4-	0714001617	4	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 04
6	20T4-	0714001617	5	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 05
7	20T4-	0714001617	6	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 01
8	20T4-	0714001617	7	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 02
9	20T4-	0714001617	8	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 05
10	20T4-	0714001617	9	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 01
11	20T4-	0714001617	10	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 01
12	20T4-	0714001617	11	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 02
13	20T4-	0714001617	12	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 03
14	20T4-	0714001617	13	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 04
15	20T4-	0714001617	14	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 05
16	20T4-	0714001617	15	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 01
17	20T4-	0714001617	16	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 02
18	20T4-	0714001617	17	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 05
19	20T4-	0714001617	18	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	10H00	Tự luận	C3.2 - 01
20	20T4-	0714001617	19	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	10H00	Tự luận	C3.2 - 03
21	20T4-	0714001617	20	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 01
22	20T4-	0714001617	21	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 02
23	20T4-	0714001617	22	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 03
24	20T4-	0714001617	23	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 04
25	20T4-	0714001617	24	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 05

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
26	20T4-	0714001617	25	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 01
27	20T4-	0714001617	26	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 02
28	20T4-	0714001617	27	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 03
29	20T4-	0714001617	28	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 04
30	20T4-	0714001617	29	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 05
31	20T4-	0714001617	30	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 01
32	20T4-	0714001617	31	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 02
33	20T4-	0714001617	32	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 03
34	20T4-	0714001617	33	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 04
35	20T4-	0714001617	34	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 05
36	20T4-	0714001617	35	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 01
37	20T4-	0714001617	36	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 02
38	20T4-	0714001617	37	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 03
39	20T4-	0714001617	38	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 04
40	20T4-	0714001617	39	38	Toán 5	3	27/12/2022	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 05
1	20T4-	0714001615	1	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 01
2	20T4-	0714001615	2	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 02
3	20T4-	0714001615	3	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 04
4	20T4-	0714001615	4	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 02
5	20T4-	0714001615	5	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 03
6	20T4-	0714001615	6	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 04
7	20T4-	0714001615	7	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 01
8	20T4-	0714001615	8	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 02
9	20T4-	0714001615	9	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 04
10	20T4-	0714001615	10	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 05
11	20T4-	0714001615	11	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 01
12	20T4-	0714001615	12	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 02
13	20T4-	0714001615	13	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 04

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
14	20T4-	0714001615	14	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 02
15	20T4-	0714001615	15	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 03
16	20T4-	0714001615	16	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 04
17	20T4-	0714001615	17	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	10H00	Tự luận	C3.2 - 01
18	20T4-	0714001615	18	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	10H00	Tự luận	C3.2 - 02
19	20T4-	0714001615	19	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	10H00	Tự luận	C3.2 - 04
20	20T4-	0714001615	20	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	10H00	Tự luận	C3.2 - 05
21	20T4-	0714001615	21	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 03
22	20T4-	0714001615	22	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 04
23	20T4-	0714001615	23	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 05
24	20T4-	0714001615	24	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 01
25	20T4-	0714001615	25	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 02
26	20T4-	0714001615	26	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 03
27	20T4-	0714001615	27	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 04
28	20T4-	0714001615	28	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 05
29	20T4-	0714001615	29	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 01
30	20T4-	0714001615	30	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 02
31	20T4-	0714001615	31	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 03
32	20T4-	0714001615	32	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 04
33	20T4-	0714001615	33	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 05
34	20T4-	0714001615	34	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 01
35	20T4-	0714001615	35	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 02
36	20T4-	0714001615	36	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 03
37	20T4-	0714001615	37	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 04
38	20T4-	0714001615	38	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 05
39	20T4-	0714001615	39	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	15H30	Tự luận	C3.2 - 01
40	20T4-	0714001615	40	38	Hóa học 3	5	29/12/2022	90	15H30	Tự luận	C3.2 - 02
1	20T4-QLH1; 20T4-QDL1	0714002761	1	38	Ngữ văn 5	3	03/01/2023	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 01

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
2	20T4-QLH1; 20T4-QDL1	0714002761	2	15	Ngữ văn 5	3	03/01/2023	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 02
3	20T4-CKL	0714001637		15	Nguyên lý cắt kim loại 1	3	03/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	
4	20T4-QTD; TCD	0714002346	1	38	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3	03/01/2023	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 03
5	20T4-QTD; TCD	0714002346	2	38	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3	03/01/2023	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 04
6	20T4-QTD; TCD	0714002346	3	38	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3	03/01/2023	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 05
7	20T4-QTD; TCD	0714002346	4	38	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3	03/01/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 01
8	20T4-CCK	0714001647	1	38	Nguyên lý cắt kim loại	3	03/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
9	20T4-CCK	0714001647	2	38	Nguyên lý cắt kim loại	3	03/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
10	20T4-CNÔ	0714001625	1	38	Nguyên lý - Chi tiết máy	3	03/01/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 04
11	20T4-CNÔ	0714001625	2	38	Nguyên lý - Chi tiết máy	3	03/01/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 05
12	20T4-CNÔ	0714001625	3	38	Nguyên lý - Chi tiết máy	3	03/01/2023	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 01
13	20T4-CNÔ	0714001625	4	38	Nguyên lý - Chi tiết máy	3	03/01/2023	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 02
14	20T4-CNÔ	0714001625	5	38	Nguyên lý - Chi tiết máy	3	03/01/2023	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 03
15	20T4-KLB	0714002526	1	30	Chế biến bánh Việt Nam	3	03/01/2023	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 05
16	20T4-KLB	0714002526	2	30	Chế biến bánh Việt Nam	3	03/01/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 01
17	20T4-LGT	0714002353		32	Dịch vụ kho hàng và trung tâm phân phối	3	03/01/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 03
1	20T4-QLH1; 20T4-QDL1	0714002759	1	30	Lịch Sử 2	3	03/01/2023	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 01
2	20T4-QLH1; 20T4-QDL1	0714002759	2	30	Lịch Sử 2	3	03/01/2023	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 02
3	20T4-KTD	0714002340	1	34	Kế toán quản trị	3	03/01/2023	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 03
4	20T4-KTD	0714002340	2	34	Kế toán quản trị	3	03/01/2023	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 04
5	20T4-CNÔ	0714001629	1	38	Lý thuyết gầm Ôtô	3	03/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
6	20T4-CNÔ	0714001629	2	38	Lý thuyết gầm Ôtô	3	03/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
7	20T4-CNÔ	0714001629	3	38	Lý thuyết gầm Ôtô	3	03/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
8	20T4-CNÔ	0714001629	4	38	Lý thuyết gầm Ôtô	3	03/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
9	20T4-CNÔ	0714001629	5	38	Lý thuyết gầm Ôtô	3	03/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
10	20T4-LGT	0714002356		32	Nghiep vụ hải quan	3	03/01/2023	60	15H30	Tự luận	C2.3 - 05
11	20T4-TCD	0714002358	1	30	Nghiep vụ ngân hàng	3	03/01/2023	90	15H30	Tự luận	C3.2 - 01
12	20T4-TCD	0714002358	2	30	Nghiep vụ ngân hàng	3	03/01/2023	90	15H30	Tự luận	C3.2 - 02
13	20T4-KLB	0714002595	1	30	Phát triển sản phẩm mới	3	03/01/2023	90	15H30	Tự luận	C3.2 - 03

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
14	20T4-KLB	0714002595	2	30	Phát triển sản phẩm mới	3	03/01/2023	90	15H30	Tự luận	C3.2 - 05
15	20T4-CCK	0714001648	1	38	Công nghệ chế tạo máy	3	03/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 01
16	20T4-CCK	0714001648	2	38	Công nghệ chế tạo máy	3	03/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 03
1	20T4-QDL	0714002771		36	Địa lý và tài nguyên du lịch	6	06/01/2023	90	07H30	Tự luận	H1.2 - 02
2	20T4-QLH	0714002785		18	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	6	06/01/2023	90	07H30	Tự luận	
3	20T4-	0714001616	1	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
4	20T4-	0714001616	2	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
5	20T4-	0714001616	3	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
6	20T4-	0714001616	4	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
7	20T4-	0714001616	5	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
8	20T4-	0714001616	6	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
9	20T4-	0714001616	7	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
10	20T4-	0714001616	8	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
11	20T4-	0714001616	9	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 04
12	20T4-QDL	0714002562		36	Nghiệp vụ tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo	6	06/01/2023	90	10H00	Tự luận	H1.2 - 02
13	20T4-QLH	0714002531		18	Luật du lịch Việt Nam	6	06/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	
14	20T4-	0714001616	10	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
15	20T4-	0714001616	11	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
16	20T4-	0714001616	12	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
17	20T4-	0714001616	13	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
18	20T4-	0714001616	14	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
19	20T4-	0714001616	15	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
20	20T4-	0714001616	16	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
21	20T4-	0714001616	17	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
22	20T4-	0714001616	18	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 04
23	20T4-	0714001616	19	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
24	20T4-	0714001616	20	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
25	20T4-	0714001616	21	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
26	20T4-	0714001616	22	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
27	20T4-	0714001616	23	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
28	20T4-	0714001616	24	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
29	20T4-	0714001616	25	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
30	20T4-	0714001616	26	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
31	20T4-	0714001616	27	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
32	20T4-	0714001616	28	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
33	20T4-	0714001616	29	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
34	20T4-	0714001616	30	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
35	20T4-	0714001616	31	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
36	20T4-	0714001616	32	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
37	20T4-	0714001616	33	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
38	20T4-	0714001616	34	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
39	20T4-	0714001616	35	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
40	20T4-	0714001616	36	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
41	20T4-	0714001616	37	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
42	20T4-	0714001616	38	38	Vật lý 4	6	06/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
1	20T4-NNA	0714002058	1	36	Viết	2	09/01/2023	60	13H00	Tự luận	C2.2 - 01
2	20T4-NNA	0714002058	2	36	Viết	2	09/01/2023	60	13H00	Tự luận	C2.2 - 02
3	20T4-NNA	0714002058	3	36	Viết	2	09/01/2023	60	13H00	Tự luận	C2.3 - 01
4	20T4-TMD	0714002832		30	Khởi nghiệp kinh doanh thương mại điện tử	2	09/01/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 02
5	20T4-KXD	0714002375		34	Kết cấu bê tông - cốt thép	2	09/01/2023	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 01
6	20T4-VSL	0714001659	1	32	Bơm - Quạt - Máy nén	2	09/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
7	20T4-VSL	0714001659	2	32	Bơm - Quạt - Máy nén	2	09/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 05
8	20T4-QNH	0714002654		38	Quản trị tiệc trong nhà hàng	2	09/01/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 01
9	20T4-KTD	0714001735	1	32	Kế toán thương mại dịch vụ	2	09/01/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 02
10	20T4-KTD	0714001735	2	32	Kế toán thương mại dịch vụ	2	09/01/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 03
11	20T4-CNM	0714001962		38	Thiết kế rập	2	09/01/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 04

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
12	20T4-TĐH	0714002720		34	Tự động hóa quá trình công nghệ	2	09/01/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 05
13	20T4-ĐCN	0714000295	1	29	Trang bị điện	2	09/01/2023	90	13H00	Tự luận	H1.2 - 03
14	20T4-ĐCN	0714000295	2	29	Trang bị điện	2	09/01/2023	90	13H00	Tự luận	H1.2 - 04
1	20T4-NNA1	0714002087	1	36	Tiếng Anh Thuyết trình	2	09/01/2023	120	15H00	Vấn đáp	C2.1 - 02
2	20T4-NNA2	0714002087	2	36	Tiếng Anh Thuyết trình	2	09/01/2023	120	15H00	Vấn đáp	C2.1 - 04
3	20T4-NNA3	0714002087	3	36	Tiếng Anh Thuyết trình	2	09/01/2023	120	15H00	Vấn đáp	C3.1 - 04
4	20T4-CĐT	0714002291	1	32	Kỹ thuật thủy lực - khí nén	2	09/01/2023	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 02
5	20T4-CĐT	0714002291	2	32	Kỹ thuật thủy lực - khí nén	2	09/01/2023	90	15H30	Tự luận	C3.2 - 01
6	20T4-CKC	0714001881	1	32	Kỹ thuật chế tạo 1	2	09/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
7	20T4-CKC	0714001881	2	32	Kỹ thuật chế tạo 1	2	09/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 05
8	20T4-ĐĐT	0714002287		38	Lập trình PLC	2	09/01/2023	90	15H30	Tự luận	C3.3 - 01
9	20T4-KXD	0714002380		33	Kết cấu thép	2	09/01/2023	90	15H30	Tự luận	C3.3 - 02
10	20T4-TMĐ	0714002835		31	Quản trị bán hàng và phân phối sản phẩm	2	09/01/2023	90	15H30	Tự luận	C3.3 - 03
11	20T4-QNH	0714002742		38	Quản trị khu du lịch	2	09/01/2023	90	15H30	Tự luận	C3.3 - 04
12	20T4-KTD	0714002043	1	36	Quản trị tài chính	2	09/01/2023	90	15H30	Tự luận	C3.3 - 05
13	20T4-KTD	0714002043	2	36	Quản trị tài chính	2	09/01/2023	90	15H30	Tự luận	H1.2 - 03
14	20T4-QLH1	0714002786		18	Xây dựng chương trình du lịch	2	09/01/2023	90	15H30	Tự luận	H1.2 - 04
1	20T4-NNA	0714001704	1	36	Tiếng Anh Kinh doanh	4	11/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
2	20T4-NNA	0714001704	2	36	Tiếng Anh Kinh doanh	4	11/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
3	20T4-NNA	0714001704	3	36	Tiếng Anh Kinh doanh	4	11/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
4	20T4-	0714002201	1	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
5	20T4-	0714002201	2	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
6	20T4-	0714002201	3	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 05
7	20T4-	0714002201	4	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 01
8	20T4-	0714002201	5	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 02
9	20T4-	0714002201	6	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 03
10	20T4-	0714002201	7	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 04
11	20T4-	0714002201	8	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 05

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
12	20T4-NNA	0714002372	1	36	Tiếng Hoa	4	11/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
13	20T4-NNA	0714002372	2	36	Tiếng Hoa	4	11/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
14	20T4-NNA	0714002372	3	36	Tiếng Hoa	4	11/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
15	20T4-	0714002201	9	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
16	20T4-	0714002201	10	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
17	20T4-	0714002201	11	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 05
18	20T4-	0714002201	12	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 01
19	20T4-	0714002201	13	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 02
20	20T4-	0714002201	14	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 03
21	20T4-	0714002201	15	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 04
22	20T4-	0714002201	16	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 05
23	20T4-	0714002201	17	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
24	20T4-	0714002201	18	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
25	20T4-	0714002201	19	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
26	20T4-	0714002201	20	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
27	20T4-	0714002201	21	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
28	20T4-	0714002201	22	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
29	20T4-	0714002201	23	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
30	20T4-	0714002201	24	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
31	20T4-	0714002201	25	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
32	20T4-	0714002201	26	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 05
33	20T4-	0714002201	27	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
34	20T4-	0714002201	28	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
35	20T4-	0714002201	29	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
36	20T4-	0714002201	30	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
37	20T4-	0714002201	31	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
38	20T4-	0714002201	32	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
39	20T4-	0714002201	33	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
40	20T4-	0714002201	34	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
41	20T4-	0714002201	35	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
42	20T4-	0714002201	36	38	Tiếng Anh 2	4	11/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 05
Các môn thi phòng máy khoa Kinh tế											
1	20T4-QTD	0714002344	1	30	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	5	05/01/2023	120	13H00	Trên máy tính	E2.2 - 02
2	20T4-QTD	0714002344	2	30	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	5	05/01/2023	120	15H30	Trên máy tính	E2.2 - 02
Các môn thi phòng máy KCNTT											
1	20T4-LTM; TKW	0714001745	1	30	Lập trình Cơ sở dữ liệu	3	03/01/2023	120	07H15	Trên máy tính	E2.1 - 02
2	20T4-LTM; TKW	0714001745	2	30	Lập trình Cơ sở dữ liệu	3	03/01/2023	120	07H15	Trên máy tính	E2.1 - 03
3	20T4-LTM; TKW	0714001745	3	30	Lập trình Cơ sở dữ liệu	3	03/01/2023	120	07H15	Trên máy tính	E2.2 - 01
4	20T4-LTM; TKW	0714001745	4	30	Lập trình Cơ sở dữ liệu	3	03/01/2023	120	07H15	Trên máy tính	E3 - 01
5	20T4-QTM	0714000107	1	30	Mạng nâng cao	3	03/01/2023	90	10H00	Trên máy tính	E2.1 - 02
6	20T4-QTM	0714000107	2	30	Mạng nâng cao	3	03/01/2023	90	10H00	Trên máy tính	E2.1 - 03
7	20T4-DHD; THU	0714001771	1	30	Thiết kế Web	4	04/01/2023	120	07H15	Trên máy tính	E2.1 - 01
8	20T4-DHD; THU	0714001771	2	30	Thiết kế Web	4	04/01/2023	120	07H15	Trên máy tính	E2.1 - 03
9	20T4-DHD; THU	0714001771	3	30	Thiết kế Web	4	04/01/2023	120	07H15	Trên máy tính	E3 - 01
10	20T4-DHD; THU	0714001771	4	30	Thiết kế Web	4	04/01/2023	120	07H15	Trên máy tính	F1.2 - 03
11	20T4-TKW	0714002721	1	25	Lập trình ASP.NET căn bản	4	04/01/2023	120	09H30	Trên máy tính	E2.1 - 01
12	20T4-TKW	0714002721	2	25	Lập trình ASP.NET căn bản	4	04/01/2023	120	09H30	Trên máy tính	E2.1 - 03

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCL